

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2023/HC-PT

Ngày: 22/5/2023

V/v: “*Khiếu kiện hành vi hành chính*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Hà;

***Các Thẩm phán:*** Bà Lê Thị Mai;

Ông Phạm Đình Khánh.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Minh Nghĩa, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 118/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính*” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2022/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4900/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

**\* *Người khởi kiện:*** Bà Đỗ Thị Thu H ; địa chỉ: Khu 8, thị trấn C, huyện V, tỉnh Q (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Nguyễn Văn C1; địa chỉ: Công ty Luật B , số 511 đường Nguyễn Văn C2 , phường H2, thành phố H1, tỉnh Q (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**\* *Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện V , tỉnh Q;

***Người đại diện theo pháp luật:*** Ông Vũ Đức H3, Chủ tịch UBND huyện V ;

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Nguyễn Đức M, Phó chủ tịch (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* bà Phạm Thị Mai L – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V ; ông Lưu Văn Đ – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân thị trấn C , huyện V , tỉnh Q (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện Đỗ Thị Thu H trình bày:*

Thửa đất số 81, 91a, 91b thuộc tờ GPMB số 1 thuộc diện thu hồi đất của dự án “Nâng cấp tuyến đường EC khu 8 TT C ” được bố mẹ bà giao cho quản lý sử dụng từ năm 1992. Trong quá trình sử dụng đất bà không vi phạm pháp luật cũng như không có tranh chấp đất đai với ai.

Tại Bản chứng nhận nhà đất và tài sản trên đất do UBND thị trấn C ban hành ngày 28/11/2012 đã chứng nhận diện tích, nguồn gốc và thời điểm hình thành thửa đất từ những năm 1990 và sử dụng ổn định liên tục từ đó cho đến nay.

Ngày 06/3/2013, UBND huyện V ban hành Quyết định số 357/QĐ-UBND về việc “Phê duyệt giá đất ở trung bình để tính hỗ trợ đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới khu dân cư, đất nông nghiệp nằm trong ranh giới khu đất dân cư để phục vụ công tác bồi thường GPMB công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8 thị trấn C , huyện V.

Ngày 30/8/2013, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2107/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình Bà Đỗ Thị Thu H trú tại khu 8, thị trấn C , huyện V để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: “Cải tạo, nâng cấp tuyến huyện đường EC khu 8 thị trấn C ” thu hồi 908,0m<sup>2</sup>, trong đó: Diện tích đất trồng cây hàng năm là: 759,1m<sup>2</sup>; Diện tích đất giao thông là: 148,9m<sup>2</sup>.

Ngày 03/9/2013, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2169/QĐ-UBND về việc “Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H thường trú khu 8, thị trấn C , huyện V để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8, thị trấn C , huyện V ” với giá trị phê duyệt là 897.292.000đ (Tám trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Ngày 07/4/2017, UBND thị trấn C, huyện V gửi Giấy mời số 23/GM-UBND cho Bà Đỗ Thị Thu H đến họp để giải quyết những vướng mắc trong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân khu 8, khi thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC.

Biên bản làm việc ngày 10/4/2017 do Chủ tịch UBND thị trấn C , huyện V chủ trì, Người đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V phê duyệt phương án bồi

thường, hỗ trợ và tái định cư cho Bà Đỗ Thị Thu H , bà H không có ý kiến gì về quyết định này và đề nghị UBND huyện V thực hiện nghiêm túc Quyết định số 2169/QĐ-UBND và thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quyết định đã có hiệu lực của pháp luật.

Nhưng UBND huyện V vẫn không thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND.

Như vậy số ngày mà UBND huyện đã chậm chi trả cho bà tạm tính từ ngày 03/10/2013 đến ngày 03/5/2017 là 44 tháng tức là 1320 ngày (số tiền chậm trả tính thực tế được tính đến ngày UBND huyện chi trả tiền cho bà H ).

Căn cứ khoản 1 Điều 106 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế năm 2013 quy định về xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế như sau: *“Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế thì phải nộp đủ tiền thuế và tiền chậm nộp theo mức lũy tiến 0,05%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp đối với số ngày chậm nộp không quá chín mươi ngày; 0,07%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp đối với số ngày chậm nộp vượt quá thời hạn chín mươi ngày”*.

Do đó số tiền lãi mà UBND huyện V phải trả do chậm chi trả tiền bồi thường và hỗ trợ theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND là:

**$897.292.000đ \times 1.320 \times 0,07\% = 82.909.780đ$** , làm tròn là: 82.909.000đ  
(*Tám mươi hai triệu, chín trăm linh chín nghìn đồng*) .

Bà Đỗ Thị Thu H khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Q giải quyết:

1. Buộc UBND huyện V thực hiện hành vi hành chính: Trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Bà Đỗ Thị Thu H theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND với số tiền là 897.292.000đ (*Tám trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn đồng*)

2. Buộc UBND huyện V phải trả lãi suất do chậm chi trả tiền bồi thường và hỗ trợ theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND là: **82.909.000đ** (*Tám mươi hai triệu, chín trăm linh chín nghìn đồng*)

Tổng giá trị buộc UBND huyện V phải trả là: **980.201.000đ** (*Bằng chữ: Chín trăm tám mươi triệu, hai trăm linh một nghìn đồng*)

Tại bản tự khai ngày 12/7/2017, Người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày: Quyết định số 2169/QĐ-UBND của UBND huyện V được ban hành trên cơ sở những tài liệu hợp pháp do UBND huyện V tiến hành thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; nguồn gốc thửa đất do UBND thị trấn C và Công an thị trấn C lập và xác nhận thửa đất bị thu hồi không vi phạm khoản 5 Điều 4 Quyết định 499, do đó thửa đất của bà H đủ điều kiện để được bồi thường về đất theo quy định; UBND thị trấn C lấy ý kiến khu dân cư đúng

quy định của pháp luật; tại thời điểm thu hồi đất UBND thị trấn C xác định nguồn gốc hình thành thửa đất, mục đích sử dụng đất qua các thời kỳ và diện tích bị thu hồi để thực hiện dự án một cách công khai, minh bạch; bà H đã nghiêm túc chấp hành Quyết định thu hồi đất; quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V đã có hiệu lực pháp luật, bà H đã yêu cầu chi trả tiền bồi thường nhưng UBND huyện V không giải quyết. Đến ngày 07/4/2017, UBND thị trấn C tổ chức cuộc họp, thông báo Kết luận thanh tra số 496/KL-UBND ngày 23/3/2017 của UBND huyện V, nội dung không trả tiền bồi thường theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013. Cho rằng hành vi không trả tiền bồi thường là trái pháp luật, xâm hại đến quyền lợi hợp pháp của mình, nên bà H khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện V, đề nghị Tòa án buộc UBND huyện V thực hiện Quyết định số 2169/QĐ-UBND.

Tại bản tự khai ngày 11/01/2021 (BL 187-188), người đại diện theo ủy quyền của bà H bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu tuyên hành vi hành chính không chi trả tiền bồi thường cho Bà Đỗ Thị Thu H theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V là trái pháp luật;

Yêu cầu UBND huyện V chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V với số tiền là 897.292.000đ.

Yêu cầu UBND huyện V chi trả tiền chậm chi trả tính từ ngày 03/9/2013 đến ngày 11/01/2021 là 1.663.220.000đ.

*Quá trình giải quyết vụ án, Đại diện hợp pháp của UBND huyện V trình bày:*

Ngày 15/10/2003, bà Bùi Thị Ê và Bà Đỗ Thị Thu H có thỏa thuận cho bà Bùi Thị Ê mượn đất để cho Công ty Đầu tư Thương mại Thủy sản T thuê làm đường công vụ chở đất.

Ngày 20/10/2003, bà Êm và Công ty Đầu tư Thương mại Thủy sản T có hợp đồng thuê đất để làm đường công vụ vận chuyển đất phục vụ dự án của Công ty với diện tích 600m<sup>2</sup> (dài 50m, rộng 12m).

Ngày 16/4/2005, bà Êm và Công ty Đầu tư Thương mại Thủy sản T có biên bản thanh lý hợp đồng, bên A (Công ty Đầu tư Thương mại Thủy sản T) trả lại đất cho bên B (bà Bùi Thị Êm): Phía Đông Bắc giáp nhà bà H, phía Tây giáp đất nhà bà H và nhà vệ sinh; phía Bắc giáp hộ bà T1 và đất S cũ; phía Nam giáp kẻ ông L1, tổng diện tích là 600m<sup>2</sup>, số đất bên A đổ làm đường nay để lại cho bên B tự giải quyết để làm mặt bằng.

Ngày 28/11/2012, UBND thị trấn C có bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H xác nhận: Thửa 81, diện tích 18,7m<sup>2</sup> sử

dụng từ năm 1990 đến nay (đất trồng); Thửa đất số 91a diện tích 740,4m<sup>2</sup> đất bãi triều gia đình làm xưởng đóng tàu từ năm 1990 đến năm 2005 Công ty Thủy sản T làm đường công vụ vào thành ao tù, sau đó tôn tạo thành mặt bằng, hiện là đất trồng; Thửa số 91b, diện tích 148,9m<sup>2</sup> đất bãi triều, gia đình làm xưởng đóng tàu từ năm 1990 đến năm 2005 Công ty Thủy sản T làm đường công vụ vào thành ao tù, sau đó tôn tạo thành mặt bằng, hiện trạng là đường dân sinh.

Ngày 22/3/2013, UBND huyện có Thông báo số 37/TB-UBND về việc xác định loại đất, đất nông nghiệp tiếp giáp ranh giới khu dân cư, đất nông nghiệp nằm trong ranh giới khu dân cư để thực hiện giải phóng mặt bằng công trình cải tạo nâng cấp tuyến đường EC khu 8 thị trấn C. Xác định thửa 81, 91a là đất trồng cây hàng năm, thửa đất 91b là đất giao thông. Trong đó, thửa 81 và 91a là đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới khu dân cư, đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư.

Ngày 06/3/2013, UBND huyện có Quyết định số 357/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất ở trung bình để tính hỗ trợ đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới khu dân cư, đất nông nghiệp nằm trong ranh giới khu dân cư để phục vụ công tác bồi thường GPMB công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8, thị trấn C, huyện V với đơn giá là 3.125.000đ/m<sup>2</sup>.

Ngày 30/8/2013, UBND huyện có Quyết định số 2107/QĐ-UBND về việc thu hồi 908m<sup>2</sup> đất (đất trồng cây hàng năm là 759,1m<sup>2</sup>, đất giao thông là 148,9m<sup>2</sup>) tại thửa số 81, 91a, 91b tờ bản đồ GPMB số 01.

Ngày 03/9/2013, UBND huyện có Quyết định số 2169/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với Bà Đỗ Thị Thu H. Tổng kinh phí 897.292.000đ. Trong đó:

Bồi thường 18,7m<sup>2</sup> đất tại thửa số 81 là đất trồng cây hàng năm còn lại: 860.000đ; 740,4m<sup>2</sup> đất tại thửa 91a là đất trồng cây hàng năm còn lại: 34.918.600đ;

Hỗ trợ 18,7m<sup>2</sup> đất tại thửa số 81 là đất nông nghiệp tiếp giáp ranh giới khu dân cư: 20.453.125đ; 740m<sup>2</sup> đất tại thửa số 91a là đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới khu dân cư: 809.812.500đ (Tổng diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ là 759,1m<sup>2</sup>). Cộng hỗ trợ đất tiếp giáp: 830.265.625đ;

Bồi thường 297,8m<sup>3</sup> đất tôn tạo thửa 91b: 20.548.200đ; Bồi thường láng nền sân không đánh màu 27,2m<sup>2</sup>: 1.547.082đ; Lát nền sân bằng gạch nung 300x300: 17,68m<sup>2</sup> = 2.509.358đ; Lát nền sân bằng gạch nung 300x300: 1,5m<sup>2</sup> = 212.898đ. Bà H chưa được thanh toán tiền với lý do UBND huyện chưa bố trí được nguồn chi trả.

Ngày 28/7/2014, Công an tỉnh Q có Văn bản số 1481/CAT-PC46 “V/v kiến nghị xử lý sai phạm trong cấp GCNQSD đất và bồi thường GPMB tại thị trấn C”.

Ngày 14/9/2016, Thanh tra huyện có Báo cáo số 206/BC-TTr Kết quả xác minh bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân khu 8 thị trấn C liên quan đến dự án đường EC.

Ngày 23/3/2017, UBND huyện V ban hành Kết luận số 496/KL-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với các hộ dân khu 8 thị trấn C liên quan đến dự án: “Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8 thị trấn C”.

Ngày 26/5/2017, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2614/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 và Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V, cụ thể:

+ Hủy bỏ Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 “Về việc thu hồi đất của hộ gia đình Bà Đỗ Thị Thu H trú tại khu 8, thị trấn C, huyện V để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến huyện đường EC khu 8 thị trấn C”;

+ Hủy bỏ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V về việc “Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H trú tại khu 8, thị trấn C, huyện V để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8, thị trấn C”.

Căn cứ hủy bỏ: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Luật Đất đai năm 2003 quy định về bồi thường, tái định cư cho người có đất bị thu hồi: Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 38 và các điểm b, c, d, đ, g khoản 1 Điều 43 của Luật này.

Điểm k khoản 3 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 499/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 quy định về các trường hợp thu hồi đất không được bồi thường: Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn mười hai tháng liền (12 tháng); đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn mười tám tháng liền (18 tháng); đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn hai mươi bốn tháng liền (24 tháng).

Đối chiếu các quy định trên, khi Công ty Thủy sản T làm đường công vụ dẫn đến việc không sử dụng được đất từ năm 2003 đến thời điểm thu hồi đất nên không đủ điều kiện được bồi thường. Việc UBND huyện lập phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp là trái quy định nêu trên.

Từ những nội dung nêu trên, việc Bà Đỗ Thị Thu H khởi kiện hành vi không thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện V cho Bà Đỗ Thị Thu H theo Quyết định 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013. Buộc UBND huyện V phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định

cư cho Bà Đỗ Thị Thu H theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V với số tiền là 897.292.000đ và lãi suất do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ là không có cơ sở.

Tại Văn bản số 1261/UBND ngày 18/5/2021, UBND huyện V có quan điểm bổ sung như sau:

1. Quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường đối với Bà Đỗ Thị Thu H :

Năm 2013, thực hiện công trình cải tạo nâng cấp tuyến đường EC khu 8 thị trấn C , UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 trong đó thu hồi 908m<sup>2</sup> đất các thửa đất số 81, 91a, 91b (khu 8 thị trấn C ) – trong đó: Đất trồng cây hàng năm 759,1m<sup>2</sup>, đất giao thông 148,9m<sup>2</sup>. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho Bà Đỗ Thị Thu H với tổng kinh phí là 897.292.000đ.

Căn cứ phê duyệt phương án bồi thường: Bản tự kê khai sử dụng đất, Biên bản xác định ranh giới, mốc giới và diện tích các thửa đất số 81, 91a, 91b lập ngày 28/5/2012 (thành phần: Trung tâm quỹ đất, UBND thị trấn C , đơn vị đo vẽ, chủ hộ có đất bị thu hồi, chủ dự án), Biên bản kiểm đếm (không có công trình trên đất, chỉ lát nền sân diện tích nhỏ; khối lượng đất tôn tạo trên 300m<sup>3</sup>), Phiếu lấy ý kiến khu dân cư (xác định đất khai hoang từ năm 1990, ranh giới rõ ràng, sử dụng ổn định, không có tranh chấp), danh sách công khai các trường hợp có đất bồi thường, trong đó có bà H được xác định nguồn gốc: Sử dụng mặt nước bãi triều làm xưởng đóng tàu từ năm 1990, năm 2005 tôn tạo mặt bằng...; Biên lai thu thuế nhà đất từ năm 2006 (không ghi số thửa); Bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất lập ngày 28/11/2012 thể hiện: gia đình bà H có 3 thửa đất bị thu hồi: Thửa 81 thu hồi 18,7m<sup>2</sup> – nguồn gốc tôn tạo từ năm 1990 và sử dụng ổn định cho đến nay, không phải đất lấn chiếm, không vi phạm quy hoạch, có ranh giới rõ ràng đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt công khai; Thửa 91a thu hồi 740m<sup>2</sup> là đất bãi triều gia đình sử dụng làm xưởng sửa chữa đóng tàu từ năm 1990 đến năm 2005 tôn tạo mặt bằng như hiện nay, không lấn chiếm, không vi phạm quy hoạch, ranh giới rõ ràng với các thửa liền kề; Thửa 91b thu hồi 148,9m<sup>2</sup> đất bãi triều gia đình sử dụng làm xưởng sửa chữa, đóng tàu từ năm 1990 đến năm 2005 tôn tạo mặt bằng như hiện nay, không lấn chiếm, không vi phạm quy hoạch, ranh giới rõ ràng; Ngày 22/02/2013, UBND huyện đã có Thông báo số 37/TB-UBND xác định loại đất bồi thường: Thửa 81, 91a là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm; thửa 91b là đất giao thông...

- Năm 2014, Công an tỉnh tiến hành điều tra, xác minh về việc quản lý, sử dụng đất đai tại huyện V và đã có Công văn số 1481/CAT-PC46, ngày 28/7/2014 kiến nghị với UBND huyện V về việc xử lý sai phạm đối với cán bộ UBND thị trấn C , UBND huyện trong cấp GCNQSD đất và bồi thường GPMB đối với trường hợp Bà Đỗ Thị Thu H , cụ thể: Về trình tự thủ tục lập phương án

GPMB công văn đã chỉ rõ sai phạm: Về xác định nguồn gốc thửa đất không đúng (ba thửa đất 81, 91a, 91b là vị trí thửa đất số 26 và 31 được cập nhật tại tờ Bản đồ địa chính số 25, chủ sử dụng đất là UBND thị trấn C ); Về sai phạm của một số cán bộ UBND thị trấn C , Trung tâm phát triển quỹ đất trong việc xác nhận bà H đang quản lý, sử dụng 2.502m<sup>2</sup> đất nông nghiệp là sai phạm, tạo điều kiện cho bà H được bồi thường diện tích 759,1m<sup>2</sup> theo giá đất nông nghiệp và được hỗ trợ bằng 35% giá đất nông nghiệp trung bình đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư (thực tế bà H không được giao, không được thuê và không sử dụng bất kỳ thửa đất nông nghiệp nào tại thị trấn C ); Áp dụng sai hạn mức đối với diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ (vượt 5 lần hạn mức đất ở), dẫn đến tăng diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ là 159,1m<sup>2</sup>, tăng tiền hỗ trợ... Đồng thời, Công an tỉnh cũng nhận thấy những người có liên quan đến sai phạm, thiếu sót trên không có động cơ, mục đích vụ lợi; số tiền đền bù chưa bị thất thoát... Đề nghị UBND huyện kiểm điểm nghiêm khắc tập thể, cá nhân sai phạm.

Trên cơ sở đó, UBND huyện đã dừng không chi trả bồi thường cho bà H và tiến hành thanh tra, xác minh lại, kết quả đủ cơ sở xác định việc thu hồi đất và bồi thường cho bà H theo Quyết định 2169/QĐ-UBND là không đúng. Do vậy, UBND huyện V đã căn cứ: Khoản 1 Điều 42; điểm e khoản 1 Điều 43 và Điều 50 Luật Đất đai 2003 và điểm k khoản 3 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 499/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Q nên đã ban hành Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 Hủy bỏ Quyết định thu hồi đất số 2107/QĐ-UBND, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2169/QĐ-UBND.

## 2. Quá trình giải quyết khiếu kiện của Bà Đỗ Thị Thu H :

Không đồng ý với các quyết định trên, bà H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND huyện V về việc hủy bỏ Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 và Quyết định 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V ; Yêu cầu hủy Quyết định số 1742/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND huyện V về việc điều chỉnh, thay thế nội dung hủy bỏ Quyết định số 2107; Yêu cầu hủy mục 9 của Kết luận số 496/KL-UBND ngày 23/3/2017 của UBND huyện V về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H khu 8 thị trấn C liên quan đến dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC và Kết luận số 736/KL-UBND ngày 07/5/2018 của UBND huyện V về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H khu 8 thị trấn C liên quan đến dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC.

Ngày 20/12/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Q có Bản án số 69/2019/HC-ST, trong đó đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị Thu H , hủy Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 và một số Quyết định, Kết luận khác có liên quan của UBND huyện V . Nội dung bản án đã nhận định Công văn

số 1481/CAT-PC46 ngày 28/7/2014 của Công an tỉnh Q nói trên mà UBND huyện V giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án chỉ là tài liệu phô tô, không có đóng dấu của cơ quan ban hành nên không có giá trị pháp lý và nội dung công văn này cũng không phải là căn cứ xác định nguồn gốc đất và việc sử dụng tài liệu này làm một trong những căn cứ để lập lại bản chứng nhận nguồn gốc đất cho bà H là không đúng căn cứ pháp luật. Ngoài ra bản án nhận định, đánh giá về nguồn gốc đất, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định số 2107/QĐ-UBND và Quyết định 2169/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở bản án số 69/2019/HC-ST ngày 20/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Q, bà H đề nghị tiếp tục giải quyết vụ kiện yêu cầu UBND huyện V thực hiện hành vi chi trả tiền bồi thường theo Quyết định 2169/QĐ-UBND.

UBND huyện V nhận thấy Quyết định 2614/QĐ-UBND của UBND huyện V ban hành trên cơ sở kết quả thanh tra xác minh, mặc dù về hình thức quy trình thủ tục tiến hành hoạt động thanh tra có một số vi phạm như bản án nhận định đánh giá là chính xác, nhưng về nội dung kết quả thanh tra là đảm bảo tính khách quan, toàn diện và có căn cứ đã đánh giá xác định đúng nguồn gốc các thửa đất 81, 91a, 91b không phải của Bà Đỗ Thị Thu H, mà chủ sử dụng đất là UBND thị trấn C (hoàn toàn phù hợp với kết luận đánh giá của Công an tỉnh). Nên việc hủy Quyết định 2107/QĐ-UBND và 2169/QĐ-UBND là đảm bảo căn cứ.

Ngày 13/7/2021, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 2148/QĐ-CT về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật trong xác định nguồn gốc đất, lập bản chứng nhận nhà đất đối với Bà Đỗ Thị Thu H tại khu 8, thị trấn C.

Ngày 30/8/2021, UBND huyện V ban hành Kết luận thanh tra số 2485/KL-UBND kết luận thanh tra việc xác định nguồn gốc đất, lập bản chứng nhận nhà đất đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H với nội dung phiếu lấy ý kiến của khu dân cư khu 8 thị trấn C đối với thửa đất của hộ gia đình Bà Đỗ Thị Thu H được lập trên cơ sở thu thập ý kiến của những người không cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất, không đủ thông tin theo mẫu, không xác định được tình trạng tranh chấp đất đai, không xác định được thời gian sử dụng ổn định vào mục đích nào và không công khai phiếu lấy ý kiến khu dân cư; Biên bản xét duyệt nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất không xác định cụ thể về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất nông nghiệp của bà H. Do đó UBND thị trấn C lập bản chứng nhận nhà đất, tài sản trên đất và UBND huyện V ban hành Quyết định số 2107/QĐ-UBND thu hồi đất và Quyết định 2169/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H là trái pháp luật.

Căn cứ nội dung Kết luận thanh tra số 2485/KL-UBND nêu trên, ngày 13/9/2021, UBND huyện V ban hành Quyết định số 4533/QĐ-UBND về việc

thu hồi, hủy bỏ các Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 và Quyết định 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V .

Đại diện hợp pháp của UBND thị trấn C có quan điểm tương tự quan điểm của UBND huyện V . Đồng thời, ngày 06/9/2021 UBND thị trấn C ban hành Thông báo số 43/TB-UBND về việc hủy bỏ 02 phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 01/8/2012 được UBND thị trấn C xác nhận ngày 15/8/2012 và ngày 22/11/2012; Hủy bỏ bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất được UBND thị trấn C lập ngày 28/11/2012 theo Kết luận Thanh tra số 2485/KL-UBND ngày 30/8/2021 của UBND huyện V .

Trên cơ sở đề nghị của UBND huyện V và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Q, Tòa án nhân dân tỉnh Q đã quyết định thu thập chứng cứ là Văn bản số 1481/CAT-PC46 ngày 28/7/2014 của Công an tỉnh Q. Tại Văn bản số 4700/CAT-CSKT(Đ4) ngày 15/7/2022 của Công an tỉnh Q trao đổi nội dung liên quan đến Công văn số 1481/CAT-PC46 ngày 28/7/2014 như sau: Năm 2014, Công an tỉnh Q (Phòng Cảnh sát kinh tế) tiến hành kiểm tra, xác minh về việc quản lý, sử dụng đất đai tại huyện V , tỉnh Q. Căn cứ kết quả kiểm tra xác minh, Công an tỉnh Q đã ban hành Công văn số 1481/CAT-PC46 ngày 28/7/2014 gửi Ủy ban nhân dân huyện V để kiến nghị xử lý sai phạm đối với cán bộ thuộc Ủy ban nhân dân thị trấn C , Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Ủy ban nhân dân huyện V trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình Bà Đỗ Thị Thu H ; đồng thời Công an tỉnh cũng gửi văn bản này đến Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo. Hiện nay Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Q đang lưu giữ bản gốc Công văn số 1481/CAT-PC46 (có chữ ký của đồng chí Đại tá Nhâm Ngọc T2 – Nguyên Phó Giám đốc Công an tỉnh Q nhưng chưa đóng dấu của Công an tỉnh Q). Do dấu của Công an tỉnh Q đã thay đổi từ tháng 6/2021 và đồng chí Đại tá Nhâm Ngọc T2 đã nghỉ hưu nên về mặt nguyên tắc không được đóng dấu hiện hành của Công an tỉnh Q vào Công văn số 1481/CAT-PC46. Do vậy Công an tỉnh Q không cung cấp được Công văn số 1481/CAT-PC46 ngày 28/7/2014 theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2022/HC-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Q đã quyết định: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị Thu H về việc tuyên bố hành vi hành chính không chi trả tiền bồi thường cho Bà Đỗ Thị Thu H theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V là trái pháp luật;

- Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị Thu H về việc buộc UBND huyện V chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V với số tiền là 897.292.000đ và trả tiền lãi do chậm chi trả tiền bồi thường.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06 tháng 10 năm 2022, người khởi kiện Bà Đỗ Thị Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà H là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ngày 10/5/2017, bà H nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính về hành vi không chi trả tiền bồi thường cho Bà Đỗ Thị Thu H theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V . Đây là hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Q thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 6 Điều 22 Luật Đất đai 2013.

Đối với Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 về việc thu hồi đất; Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 4533/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 về việc thu hồi, hủy bỏ các Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 và Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V mặc dù không bị khởi kiện, nhưng là quyết định hành chính có liên quan nên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trong cùng vụ án là có cơ sở.

[1.2]. Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của Bà Đỗ Thị Thu H trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự.

[2]. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện, theo đó:

[2.1]. Về trình tự thủ tục ban hành: Quyết định số 2107/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Bà Đỗ Thị Thu H để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8 thị trấn C ; Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V ban hành về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của Bà Đỗ Thị Thu H để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8 thị trấn C ; Quyết định số 4533/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND huyện V ban hành về việc thu hồi, hủy bỏ các Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 và Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Đất đai năm 2003; Luật Đất đai năm 2013 và văn bản hướng dẫn thi hành.

[2.2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tại bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất do UBND thị trấn C lập ngày 28/11/2012 đối với hộ gia đình Bà Đỗ Thị Thu H, thể hiện: Gia đình có 3 thửa đất trên địa bàn thị trấn bị thu hồi GPMB thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8 thị trấn C , huyện V :

+ Thửa số 81 tờ bản đồ hiện trạng GPMB số 1: Diện tích thu hồi: 18,7m<sup>2</sup>; Nguồn gốc thửa đất: Đất do gia đình tôn tạo vào thời điểm năm 1990 và sử dụng ổn định cho tới nay, không phải đất lấn chiếm, không vi phạm quy hoạch chi tiết, có ranh giới rõ ràng, đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt và công khai; Hiện trạng sử dụng đất là bãi đất trống; Nhà đất hiện tại: Không thể chấp, không tranh chấp, không vi phạm; Tài sản trên đất có trước ngày thông báo chủ trương thu hồi đất của UBND huyện V ;

+ Thửa đất số 91a tờ bản đồ hiện trạng GPMB số 1: Diện tích thu hồi: 740,4m<sup>2</sup>; Nguồn gốc thửa đất: Đất bãi triều, gia đình sử dụng làm xưởng sửa chữa, đóng tàu thuyền từ năm 1990, đến năm 2005 gia đình không sửa chữa đóng tàu nữa. Từ năm 2005 Công ty Thủy sản T làm đường công vụ vào đến sát nhà Bà Đỗ Thị Thu H, chỗ đó trở thành ao tù; các hộ dân xung quanh khu vực tự đổ đất xuống và gia đình tôn tạo mặt bằng như hiện nay; không phải đất lấn chiếm, không vi phạm quy hoạch chi tiết, có ranh giới rõ ràng với các thửa đất liền kề khác; Hiện trạng sử dụng là bãi đất trống; hiện tại không thể chấp, không tranh chấp, không vi phạm; Tài sản trên đất có trước ngày thông báo chủ trương thu hồi đất của UBND huyện V ;

+ Thửa đất số 91b tờ bản đồ hiện trạng GPMB số 1: Diện tích thu hồi: 148,9m<sup>2</sup>; Nguồn gốc thửa đất: Đất bãi triều, gia đình sử dụng làm xưởng sửa chữa, đóng tàu thuyền từ năm 1990, đến năm 2005 gia đình không sửa chữa đóng tàu nữa. Từ năm 2005 Công ty Thủy sản T làm đường công vụ vào đến sát nhà Bà Đỗ Thị Thu H, chỗ đó trở thành ao tù; các hộ dân xung quanh khu vực tự đổ đất xuống và gia đình tôn tạo mặt bằng như hiện nay, không phải đất lấn chiếm, không vi phạm quy hoạch chi tiết, có ranh giới rõ ràng với các thửa đất liền kề khác; Hiện trạng sử dụng là bãi đất trống; hiện tại không thể chấp, không tranh chấp, không vi phạm; Tài sản trên đất có trước ngày thông báo chủ trương thu hồi đất của UBND huyện V ;

Ngày 30/8/2013, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2107/QĐ-UBND về việc thu hồi 908m<sup>2</sup> đất của hộ Bà Đỗ Thị Thu H tại khu 8 thị trấn C, huyện V, trong đó: diện tích đất trồng cây hàng năm là 759,1m<sup>2</sup>; diện tích đất giao thông là 148,9m<sup>2</sup>; vị trí thu hồi tại thửa số 81, 91a, 91b tờ bản đồ GPMB số 01; Mục đích thu hồi: Để thực hiện đầu tư công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8 thị trấn C.

Ngày 03/9/2013, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2169/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H. Tổng kinh phí 897.292.000đ.

Ngày 05/5/2014, UBND thị trấn C ban hành Báo cáo số 36/BC-UBND về việc rà soát lại diện tích đất nông nghiệp tính tỉ lệ phần trăm thu hồi đất của Bà Đỗ Thị Thu H thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng khu vực đường S đầu nối đường EC, nội dung việc UBND thị trấn xác nhận diện tích đất của Bà Đỗ Thị Thu H trên cơ sở căn cứ vào bản mẫu thống kê số liệu do Trung tâm phát triển quỹ đất chuyển xuống và trên cơ sở kế thừa các số liệu của UBND thị trấn C xác nhận từ năm 2009. Tuy nhiên sau khi tự kiểm tra, rà soát lại UBND thị trấn đã xác nhận tỷ lệ phần trăm thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình Bà Đỗ Thị Thu H 30,34% là không đúng, lý do trước khi thu hồi đất để thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, toàn bộ phần đất Bà Đỗ Thị Thu H quản lý sử dụng có nhà cấp 4 chưa được lập hồ sơ địa chính, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có mốc giới vị trí thửa đất tại thực địa; đề nghị UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện xem xét, thẩm tra, rà soát lại hồ sơ phương án đền bù cho hộ Bà Đỗ

Thị Thu H trước khi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng để đảm bảo đúng quy định của nhà nước.

Năm 2014, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Q tiến hành kiểm tra, xác minh việc quản lý, sử dụng đất đai tại huyện V . Ngày 28/7/2014, Công an tỉnh Q ban hành Công văn số 1481/CAT-PC46 kiến nghị một số sai phạm trong việc cấp GCNQSD đất và bồi thường GPMB, trong đó có hộ Bà Đỗ Thị Thu H .

Sau khi có văn bản kiến nghị của Công an tỉnh, UBND huyện V đã tiến hành thanh tra vụ việc và ngày 23/3/2017 UBND huyện V ban hành Kết luận số 496/KL-UBND với nội dung UBND huyện lập phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp là trái quy định. Ngày 26/5/2017, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2614/QĐ-UBND, nội dung: Hủy bỏ Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND huyện V về việc thu hồi đất của Bà Đỗ Thị Thu H và hủy bỏ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H .

Bà Đỗ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND huyện V và một số quyết định hành chính có liên quan.

Tại Bản án số 69/2019/HC-ST ngày 20/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Q đã quyết định hủy Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND huyện V và một số quyết định hành chính có liên quan. Lý do hủy Quyết định số 2614/QĐ-UBND là do UBND huyện V căn cứ vào bản phô tô Công văn số 1481/CAT-PC46 ngày 28/7/2014 của Công an tỉnh Q không đóng dấu của cơ quan ban hành nên không có giá trị pháp lý và UBND huyện V căn cứ vào các báo cáo thanh tra có vi phạm về trình tự, thủ tục để ban hành Kết luận số 496/KL-UBND và Quyết định số 2614/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 2107/QĐ-UBND và Quyết định số 2169/QĐ-UBND của UBND huyện V về thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H . Bản án cũng nhận định Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 và Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

Ngày 13/7/2021, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 2148/QĐ-CT về việc thanh tra việc xác định nguồn gốc đất, lập bản chứng nhận nhà đất đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H , khu 8 thị trấn C .

Trên cơ sở báo cáo của Đoàn Thanh tra, ngày 30/8/2021 UBND huyện V ban hành Kết luận thanh tra số 2485/KL-UBND về việc xác định nguồn gốc đất, lập bản chứng nhận nhà đất đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H , khu 8 thị trấn C .

Theo kết quả thanh tra:

- Ngày 01/8/2012, Ủy ban nhân dân thị trấn C tiến hành lấy ý kiến của khu dân cư Khu 8, thị trấn C về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa

đất số ... (không ghi số thửa) tờ bản đồ GPMB số 1 dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8, thị trấn C của Bà Đỗ Thị Thu H. Phiếu lấy ý của khu dân cư có xác nhận của ông Nguyễn Kiên T3, Trưởng Khu 8 và 07 công dân tham dự lấy ý kiến gồm các ông, bà: Nguyễn Đình C3, Điệp Văn V1, Châu Xuân M1, Tăng Thị Ê1, Châu Văn X, Nguyễn Thị G và Phạm Văn M2. Theo phiếu, ông Nguyễn Kiên T3, Trưởng khu 8 và các công dân thống nhất với nội dung xác nhận về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất số 81 tôn tạo năm 1990; thửa 91a+91b đất bãi triều gia đình sử dụng làm xưởng sửa chữa tàu thuyền, năm 2005 đường công vụ do Công ty Thủy sản T đổ đất làm đường công vụ từ đường công vụ vào sát nhà bà H là ao tù, từ năm 2005 đến nay các hộ dân tự đổ đất, gia đình tôn tạo mặt bằng như hiện nay. Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất không xác nhận thời điểm bắt đầu sử dụng vào thời điểm từ năm nào và không xác định được mục đích sử dụng đất hiện tại là đất gì, không xác định tình trạng tranh chấp đất đai. Phiếu được UBND thị trấn xác nhận ngày 15/8/2012 (Ông Trịnh Quốc Đ2, Phó Chủ tịch UBND thị trấn C ký; bản này được dùng để lập bản chứng nhận nhà đất).

Cùng ngày, UBND thị trấn C có phiếu lấy ý kiến của Khu dân cư khu 8 về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất số 81 và 91 tờ bản đồ GPMB số 1 dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8, thị trấn C của Bà Đỗ Thị Thu H (số 81 và 91 không cùng chữ với chữ viết chính của Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư). Phiếu có xác nhận của ông Nguyễn Kiên T3, Trưởng Khu 8 và 08 công dân tham dự lấy ý kiến gồm các ông, bà: Nguyễn Đình C3, Điệp Văn V1, Tăng Thị Ê1, Phạm Văn M2, Bùi Quốc G1, Nguyễn Thị G, Châu Xuân M1 và Châu Văn X. Theo phiếu, ông Nguyễn Kiên T3, Trưởng khu 8 và 08 công dân thống nhất xác nhận thửa đất số 81 và 91 tờ bản đồ GPMB số 1 dự án trên của Bà Đỗ Thị Thu H là đất khai hoang sử dụng ổn định, ranh giới rõ ràng và thời điểm bắt đầu sử dụng vào thời điểm năm 1990 nhưng không xác định được mục đích sử dụng đất là đất gì. Được UBND thị trấn xác nhận ngày 22/11/2012 (Ông Trịnh Quốc Đ2 ký).

Ngày 18/10/2012, Hội đồng đăng ký đất đai UBND thị trấn C có biên bản xét duyệt nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của 15 hộ gia đình, cá nhân trong đó có hộ Bà Đỗ Thị Thu H. Theo biên bản xác nhận: thửa đất số 81 và 91 tờ bản đồ GPMB số 1 gia đình Bà Đỗ Thị Thu H sử dụng mặt nước bãi triều để làm xưởng sửa chữa đóng tàu từ năm 1990, đến năm 2005 gia đình không sửa chữa, đóng tàu nữa. Từ năm 2005 đường công vụ do Công ty Thủy sản T làm đường công vụ, từ đường công vụ đến sát nhà bà H là ao tù. Từ năm 2005 đến nay do các hộ dân tự ý đổ đất xuống ao và gia đình tôn tạo thành mặt bằng như hiện nay để đỡ mất vệ sinh môi trường. Loại đất: Đất tôn tạo. Tình trạng tranh chấp: không tranh chấp.

Sau khi Hội đồng đăng ký đất đai xét duyệt, cùng ngày 18/10/2012, UBND thị trấn C có danh sách công khai các trường hợp có đất và tài sản trên

đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8, thị trấn C . Trong đó, có trường hợp Bà Đỗ Thị Thu H , Khu 8, thị trấn C . Song, không công khai Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư.

Trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai và việc công khai các trường hợp có đất và tài sản trên đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8, thị trấn C , ngày 28/11/2012, UBND thị trấn C lập bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H xác nhận:

- + Thửa 81, diện tích 18,7m<sup>2</sup> sử dụng từ 1990 đến nay (đất trồng);
- + Thửa đất số 91a, diện tích 740,4m<sup>2</sup> đất bãi triều gia đình làm xưởng đóng tàu từ năm 1990 đến năm 2005 Công ty Thủy sản T làm đường công vụ vào thành ao tù, sau đó tôn tạo thành mặt bằng, hiện là đất trồng;
- + Thửa số 91b, diện tích 148,9 m<sup>2</sup> đất bãi triều gia đình làm xưởng đóng tàu từ năm 1990 đến năm 2005 Công ty Thủy sản T làm đường công vụ vào thành ao tù, sau đó tôn tạo thành mặt bằng, hiện trạng là đường dân sinh.

Ngày 22/02/2013, UBND huyện có Thông báo số 37/TB-UBND về việc xác định loại đất, đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới khu dân cư, đất nông nghiệp nằm trong ranh giới khu dân cư để thực hiện GPMB công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8, thị trấn C xác định: thửa 81, 91a là đất trồng cây hàng năm, thửa 91b là đất giao thông. Trong đó, thửa 81 và 91a là đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới khu dân cư, đất nông nghiệp nằm trong ranh giới khu dân cư.

Ngày 30/8/2013, UBND huyện có Quyết định số 2107/QĐ-UBND về việc thu hồi 908m<sup>2</sup> đất (đất trồng cây hàng năm là 759,1m<sup>2</sup>, đất giao thông là 148,9m<sup>2</sup>) tại thửa đất số 81, 91b, 91a tờ bản đồ GPMB số 01 của Bà Đỗ Thị Thu H .

Ngày 03/9/2013, UBND huyện có Quyết định số 2169/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với Bà Đỗ Thị Thu H . Tổng kinh phí 897.292.000đ. Trong đó, thửa đất số 81 và 91a được bồi thường, hỗ trợ là đất tiếp giáp khu dân cư. Thửa đất số 91b không được bồi thường, hỗ trợ.

Bà Đỗ Thị Thu H chưa được thanh toán tiền.

- Ngày 09/8/2021, Đoàn Thanh tra đã tiến hành làm việc với ông Phạm Văn M2 và ông Điệp Văn V1 , những người có tên trong Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư, các ông có ý kiến như sau:

1. Ông Phạm Văn M2 trình bày: ông về Khu 8 thị trấn C từ năm 1987. Về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất số 81, 91a, 91b tờ bản đồ số 1 của Bà Đỗ Thị Thu H trước đây là của ông Đỗ Hồng C4 sử dụng để làm

xưởng đóng tàu thuyền. Ông C4 tiếp nhận lại từ Hợp tác xã S, và ông C4 sử dụng từ bao giờ tôi không nắm rõ.

2. Ông Điệp Văn V1 trình bày: Ông vào Khu 8 thị trấn C từ năm 1995. Chữ ký trên Phiếu ý kiến Khu dân cư đất đối với thửa đất số 81, 91a, 91b của Bà Đỗ Thị Thu H ngày 01/8/2012 được UBND thị trấn xác nhận ngày 15/8/2012 và Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất số 81, 91b của Bà Đỗ Thị Thu H ngày 01/8/2012 được UBND thị trấn xác nhận ngày 22/11/2012, không phải chữ ký của ông. Ông không hợp cùng với bà Nguyễn Thị G, bà Tăng Thị Ê1, ông Châu Văn X và ông Châu Xuân M1 để lấy ý kiến khu dân cư;

- Theo xác nhận của Đội Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện V ngày 23/6/2021: ông Nguyễn Đình C3 chuyển khẩu về Khu 8 thị trấn C ngày 29/11/1998; Bà Tăng Thị Ê1 chuyển khẩu về Khu 8, thị trấn C năm 1993; Ông Châu Xuân M1 chuyển khẩu về khu thị trấn C từ ngày 10/01/2007; Ông Châu Văn X có khẩu ở Khu 5, thị trấn C (các ông, bà trên là những người có tên trong phiếu lấy ý kiến của Khu dân cư về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của hộ Bà Đỗ Thị Thu H).

Qua kết quả thẩm tra, xác minh kết quả thanh tra thể hiện: Ngày 01/8/2012, Ủy ban nhân dân thị trấn C có 02 phiếu lấy ý kiến của khu dân cư Khu 8, thị trấn C đối với thửa đất của hộ gia đình Bà Đỗ Thị Thu H bị thu hồi để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8, thị trấn C với thành phần tham gia lấy ý kiến khác nhau và nội dung khác nhau (01 phiếu được UBND thị trấn xác nhận ngày 15/8/2012 và 01 phiếu được xác nhận ngày 22/11/2012). Ủy ban nhân dân thị trấn C đã sử dụng phiếu lấy ý kiến được ông Trịnh Quốc Đ2, nguyên Phó Chủ tịch UBND thị trấn xác nhận ngày 15/8/2012 để làm căn cứ lập bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H ngày 28/11/2012 với nội dung:

- + Thửa 81, diện tích 18,7m<sup>2</sup> sử dụng từ năm 1990 đến nay (đất trống);
- + Thửa đất số 91a, diện tích 740,4m<sup>2</sup> đất bãi triều gia đình làm xưởng đóng tàu từ năm 1990 đến năm 2005 Công ty Thủy sản T làm đường công vụ vào thành ao tù, sau đó tôn tạo thành mặt bằng, hiện là đất trống;
- + Thửa số 91b, diện tích 148,9m<sup>2</sup> đất bãi triều gia đình làm xưởng đóng tàu từ năm 1990 đến năm 2005 Công ty Thủy sản T làm đường công vụ vào thành ao tù, sau đó tôn tạo thành mặt bằng, hiện trạng là đường dân sinh.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Đất đai năm 2003 quy định về bồi thường, tái định cư cho người có đất bị thu hồi: Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường, trừ các

trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 38 và các điểm b, c, d, đ, g khoản 1 Điều 43 của Luật này.

Như vậy, căn cứ quy định trên có thể thấy, về điều kiện, trình tự thủ tục bồi thường hỗ trợ và tái định cư phải tuân theo điều kiện và trình tự thủ tục về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt đối với nơi đã có quy hoạch sử dụng đất thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất.

Khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 quy định: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này nhưng đất đã được sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, nay được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt đối với nơi đã có quy hoạch sử dụng đất thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định của Chính phủ.

Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP quy định về đất sử dụng ổn định quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Đất đai 2003 như sau: Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất.

Điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp thửa đất không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng không có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của chủ khác: Trường hợp người đề nghị cấp giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có trách nhiệm thực hiện các công việc sau đây: *Công bố công khai kết quả kiểm tra tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, thị trấn trong thời hạn 15 ngày; xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công khai;*

Mục 1 phần I Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 15/6/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính

phủ quy định: Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích sử dụng đất hiện tại như sau: Khi thực hiện công việc thẩm tra, xác nhận về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai đối với thửa đất, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt trong quá trình xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân cấp xã phải lấy ý kiến của khu dân cư gồm những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích hiện tại của thửa đất. Ý kiến của khu dân cư được lập thành văn bản theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này và phải được công bố công khai cùng với danh sách các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận.

Như vậy, căn cứ các quy định trên nhận thấy: 02 Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư Khu 8, thị trấn C ngày 01/8/2012 có xác nhận của ông Nguyễn Kiên T3, Khu trưởng khu 8 và đại diện các hộ dân, được UBND thị trấn C xác nhận ngày 15/8/2012 và ngày 22/11/2012 đối với thửa đất của hộ gia đình Bà Đỗ Thị Thu H bị thu hồi thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC đã được lập trên cơ sở thu thập ý kiến của những người không cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích hiện tại của thửa đất (năm 1990) là trái với khoản 4 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP; UBND thị trấn C không công khai phiếu lấy ý kiến khu dân cư 15 ngày là trái với quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 15/6/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do đó, việc UBND thị trấn C lập bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất ngày 28/11/2012 và việc UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 và Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với Bà Đỗ Thị Thu H là trái quy định pháp luật.

Mặt khác, phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc thời điểm sử dụng đất chưa đầy đủ thông tin theo mẫu, không xác định được tình trạng tranh chấp đất đai, không xác định được thời gian sử dụng ổn định vào mục đích nào nên không có giá trị để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Biên bản xét duyệt nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất ngày 18/10/2012 của Hội đồng đăng ký đất đai UBND thị trấn C đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H về thửa đất số 81, 91 tờ bản đồ GPMB số 1 Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC không xác định được cụ thể về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất nông nghiệp của gia đình bà H như thế nào nên không đủ cơ sở để bồi thường là đất nông nghiệp.

Trên cơ sở kết luận thanh tra, Chủ tịch UBND huyện V giao các cơ quan chức năng tham mưu để UBND huyện ban hành quyết định hủy bỏ Quyết định số 2107/QĐ-UBND và Quyết định số 2169/QĐ-UBND; xử lý kỷ luật một số cán bộ có liên quan và giao UBND thị trấn C hủy bỏ Phiếu lấy ý kiến khu dân cư và

Bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất đã lập đối với hộ gia đình Bà Đỗ Thị Thu H .

Tại Bản án số 69/2019/HC-ST ngày 20/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Q nhận định Quyết định số 2107/QĐ-UBND và Quyết định số 2169/QĐ-UBND; Bản án đã hủy Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 và một số quyết định hành chính và kết luận có liên quan. Bản án có hiệu lực pháp luật, UBND huyện V có trách nhiệm thực hiện Quyết định số 2107/QĐ-UBND và Quyết định số 2169/QĐ-UBND;

Theo Khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính quy định về quyền và nghĩa vụ của Người bị kiện như sau: “4. Sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, danh sách cử tri bị khởi kiện; dừng, khắc phục hành vi hành chính bị khởi kiện”.

Như vậy, trong quá trình thực hiện Quyết định số 2107/QĐ-UBND và Quyết định số 2169/QĐ-UBND, UBND huyện V có quyền sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định hành chính nếu có căn cứ. Do đó, ngày 13/7/2021, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 2148/QĐ-CT về việc thanh tra việc xác định nguồn gốc đất, lập bản chứng nhận nhà đất đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H , khu 8 thị trấn C là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trên cơ sở Kết luận thanh tra số 2485/KL-UBND về việc xác định nguồn gốc đất, lập bản chứng nhận nhà đất đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H .

Ngày 06/9/2021, UBND thị trấn C ban hành Thông báo số 43/TB-UBND về việc hủy bỏ 02 phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 01/8/2012 được UBND thị trấn C xác nhận vào ngày 15/8/2012 và ngày 22/11/2012; hủy bỏ bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất do UBND thị trấn C lập ngày 28/11/2012.

Ngày 13/9/2021, UBND huyện V ban hành Quyết định số 4533/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ các Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 và Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V , cụ thể như sau:

- Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND huyện V “Về việc thu hồi đất của hộ gia đình Bà Đỗ Thị Thu H , trú tại khu 8 thị trấn C , huyện V để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8 thị trấn C ”.

- Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của Bà Đỗ Thị Thu H , trú tại khu 8 thị trấn C , huyện V để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC khu 8 thị trấn C ”.

Lý do thu hồi, hủy bỏ: Thu hồi hủy bỏ theo nội dung Kết luận thanh tra số 2485/KL-UBND ngày 30/8/2021 của UBND huyện V .

Căn cứ Bản đồ địa chính thị trấn C ; Bản đồ đánh giá hiện trạng và quỹ đất xây dựng huyện lỵ C ; sổ mục kê đất đai; Sổ bộ thuế nhà đất và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Các thửa đất số 81, 91a và 91b từ bản đồ GPMB số 1 Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường EC là đất do UBND thị trấn C quản lý; hộ gia đình bà H không quản lý, không tôn tạo, không đăng ký quản lý với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không đủ điều kiện để cấp GCNQSD đất, nên không đủ điều kiện để được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất. Do đó Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 và Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V về thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường cho hộ Bà Đỗ Thị Thu H là trái pháp luật.

Như vậy Quyết định số 4533/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND huyện V về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2107/QĐ-UBND và Quyết định số 2169/QĐ-UBND được ban hành là đúng quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính; Các Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 và Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V về thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường cho hộ Bà Đỗ Thị Thu H đã bị thu hồi, hủy bỏ đúng quy định của pháp luật, nên UBND huyện V không có trách nhiệm trả tiền bồi thường cho Bà Đỗ Thị Thu H theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện V .

Từ những lập luận, phân tích nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị Thu H là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm người khởi kiện không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Do đó Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đối với ý kiến của Ông Nguyễn Văn C1 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng Chủ tịch UBND huyện V tiến hành thanh tra việc xác định nguồn gốc đất, lập bản chứng nhận nhà đất đối với hộ Bà Đỗ Thị Thu H nhưng không thông báo cho bà H biết nên việc thanh tra là không khách quan, không minh bạch, kết quả thanh tra là không có giá trị, nên Quyết định số 4533/QĐ-UBND cũng là trái pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù bà H không phải là đối tượng thanh tra, nhưng bà H là cá nhân có liên quan đến việc thanh tra, việc UBND huyện V tiến hành thanh tra mà không thông báo thanh tra cho bà H là thiếu sót. Tuy việc không thông báo cho bà H không làm ảnh hưởng đến bản chất của vụ việc nhưng UBND huyện V cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3]. Kháng cáo không được chấp nhận nên Bà Đỗ Thị Thu H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là Bà Đỗ Thị Thu H ; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2022/HCST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ bà H đã nộp tại Biên lai thu số 0016043 ngày 21/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Q. Xác nhận bà H đã thi hành xong án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Cục THADS tỉnh Q;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu Hà**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Mai**

**Phạm Đình Khánh**

**Vũ Thị Thu Hà**